

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2021/DS-ST
Ngày: 06 - 12 - 2021
*V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Với Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Công Minh

Bà Dương Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông, là thư ký Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Vào ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2021/TLST-DS ngày 01/04/2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2021/QĐXX-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2021/QĐST-DS ngày 17/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Thu T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp LHB, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1982;

Chị **Ngô Thị Thùy N**, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Ấp LHB, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt; anh H, chị N vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 17/03/2021 của nguyên đơn là chị Đặng Thị Thu T, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Vào ngày 18/08/2019 âm lịch Chị T có cho vợ chồng chị N, anh H mượn số tiền 100.000.000 đồng (có viết giấy nợ bản chính) trong giấy nợ không có ghi lãi suất và thời hạn trả nợ. Hai bên có thỏa thuận miệng, vợ chồng chị N anh H hứa trong thời hạn một năm (tức đến ngày 18/08/2020 âm lịch) sẽ trả vốn gốc và lãi suất 2%/ năm cho Chị T. Khi đến hạn trả nợ vợ chồng chị N anh H không trả nợ và đã bỏ địa phương đi từ tháng 10 năm 2020 chị không biết đi đâu. Tại đơn khởi kiện Chị T yêu cầu trả cho chị vốn gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất là 0,75% /tháng do chậm thực hiện nghĩa vụ tạm tính đến tháng 4 năm 2021 thành tiền là 6.000.000 đồng, thời gian thực hiện trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Nay Chị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng anh H chị N trả vốn gốc là 100.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn là vợ chồng anh Lê Văn H, chị Ngô Thị Thùy N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là anh Lê Văn H, chị Ngô Thị Thùy N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, tại phiên tòa Chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu vợ chồng anh Lê Văn H, chị Ngô Thị Thùy N trả vốn gốc 100.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi tạm tính là 6.000.000 đồng. Nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Chị T là tự nguyện và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu trên.

[4] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn: Tại bản chính giấy mượn nợ số tiền 100.000.000 đồng ghi ngày 18 -8 -2019 (âm lịch) mà nguyên đơn cung cấp. Nhận thấy, anh Lê Văn H, chị Ngô Thị Thùy N có viết giấy mượn tiền của Chị T và hứa trả nhưng không có ghi lãi suất và thời hạn trả nợ. Quá trình giải quyết vụ

án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho anh H, chị N theo đúng quy định pháp luật nhưng cả hai không phản đối yêu cầu khởi kiện của Chị T và cũng không có đơn phản tố. Căn cứ vào Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đủ cơ sở xác định chị N anh H mượn tiền của chị Đặng Thị Thu T 100.000.000 đồng là có thật. Do đó cần phải buộc anh H, chị N trả số tiền vốn gốc trên cho Chị T là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về thời gian trả nợ: Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng anh H, chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gây thiệt hại quyền lợi cho Chị T. Do đó cần buộc vợ chồng anh H, chị N phải trả số tiền vốn gốc trên khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T.

[6] Về án phí : Do yêu cầu khởi kiện của Chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể là: (100.000.000 đồng x 5%) là 5.000.000 đồng.

Theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 5; Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thu T.

- Buộc anh Lê Văn H, chị Ngô Thị Thùy N có nghĩa vụ trả cho chị Đặng Thị Thu T số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Thời gian thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thu T, về việc yêu cầu anh Lê Văn H, chị Ngô Thị Thùy N trả số tiền lãi 6.000.000 đồng (sáu triệu) đồng.

3/ Về án phí:

- Anh Lê Văn H, chị Ngô Thị Thùy N phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Đặng Thị Thu T 2.650.000 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004141 ngày 31/03/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm